



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 02/2022

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



CHÀO MỪNG
NGÀY SỞ HỮU TRÍ TUỆ
THẾ GIỚI 26/4

IP AND YOUTH
INNOVATING FOR A
BETTER FUTURE
World Intellectual
Property Day 2022
April 26

SỞ HỮU TRÍ TUỆ
VÀ THẾ HỆ TRẺ:
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÌ MỘT TƯƠNG LAI
TỐT ĐẸP HƠN



#IPDayInVietnam
#worldipday

BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 02/2022



Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHAN VĂN HIẾU

Phó Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI**

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3713137;

Fax: 0255.3822911

Email: ttudvkhcn-sk@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1:

Thông điệp Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới
(26/4/2022).

Trong số này:



◆ Những vấn đề chung

✉ Thông điệp Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới (26/4/2022).

DUNG NGUYỄN 1

✉ Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025”.

NGUYỄN TÚ 2

✉ Nội dung Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

DUNG NGUYỄN 9

✉ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

NGUYỄN PHƯƠNG 13

◆ Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo:

✉ Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

THS. TRẦN THỊ CẨM VÂN - NGUYỄN THẾ VINH 15

✉ Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.

ANH KHUÊ 20

✉ Đề xuất giải pháp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.

PHAN THỊ CẨM VÂN 22

✉ Đẩy mạnh sáng tạo phục vụ trong sản xuất, kinh doanh.

NGUYỄN DUNG 24

◆ Doanh nghiệp cần biết:

✉ Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025.

NGUYỄN PHƯƠNG 26

✉ Kế hoạch Triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

NGUYỄN TÚ 28

✉ Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

HOÀNG NGỌC 30

✉ ISO 56000 - Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

ANH KHUÊ 31

In 650 cuốn khổ 19x27, tại Công ty CP In Việt Phát - 191 Lê Lợi, TP. Quảng Ngãi, ĐT: 0255.3836839 -0915 444 609

Giấy phép xuất bản số 10/GP-XBBT ngày 27/7/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi

In xong và nộp lưu chiểu tháng 04/2022.

SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ THẾ HỆ TRẺ:

Đổi mới sáng tạo vì một tương lai tốt đẹp hơn

Đây là chủ đề của Ngày sở hữu trí tuệ (SHTT) thế giới (26/4) năm 2022 được Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) đưa ra. Theo WIPO, những người trẻ tuổi là những nhà đổi mới, nhà sáng tạo và nhà doanh nghiệp của ngày mai. Bằng sự sáng tạo và khéo léo của mình, những người trẻ tuổi ở mọi khu vực đang thúc đẩy sự thay đổi và tạo ra những con đường đến một tương lai tốt đẹp hơn. Ngày SHTT thế giới 2022 vinh danh thế hệ những người tạo ra sự thay đổi thú vị này.



Hiện nay, thế giới có khoảng 1,8 tỷ người trẻ tuổi (dưới 24 tuổi), 90% trong số họ sống ở các nước đang phát triển. Tỷ lệ người trẻ (dưới 35 tuổi) sẽ tăng lên trong những năm tới. Ở tất cả các khu vực, những người trẻ tuổi là tác nhân tự nhiên của sự thay đổi, của những con đường dẫn đến một tương lai tốt đẹp hơn. Những người trẻ trên toàn thế giới đang chấp nhận những thách thức của sự đổi mới sáng tạo, sử dụng năng lượng và sự khéo léo, trí tò mò và sự sáng tạo của mình để đi tới một tương lai tốt đẹp hơn. Những bộ óc đổi mới, năng động và sáng tạo đang giúp thúc đẩy những thay đổi mà chúng ta cần để hướng tới một tương lai bền vững hơn.

Tuổi trẻ ngày nay là một nguồn sáng tạo không giới hạn với tiềm năng đáng kinh ngạc và chưa được khai thác triệt để. Những quan điểm mới mẻ, giàu năng lượng, trí tò mò và ý thức “có thể làm được”, chưa kể đến sự khao khát về một tương lai tốt đẹp hơn đã và đang định hình lại các phương pháp tiếp

cận và thúc đẩy hành động vì đổi mới sáng tạo và thay đổi.

Ngày SHTT thế giới năm 2022 là cơ hội để những người trẻ tìm hiểu cách thức mà quyền SHTT có thể hỗ trợ các mục tiêu của họ, giúp biến ý tưởng của họ thành hiện thực, tạo thu nhập, tạo việc làm và tác động tích cực đến thế giới xung quanh. Với quyền SHTT, những người trẻ tuổi được tiếp cận một số công cụ chính mà họ cần để thúc đẩy tham vọng của mình.

Theo WIPO, qua các cuộc vận động hưởng ứng ngày SHTT thế giới, những người trẻ tuổi sẽ có thể hiểu rõ hơn về cách các công cụ của hệ thống SHTT (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả, sáng chế, giống cây trồng, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh...) có thể hỗ trợ họ thực hiện tham vọng xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn./.

DUNG NGUYỄN (tổng hợp)

Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025”

 **NGUYỄN TÚ**

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), chiếm 97% trên tổng số doanh nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025” nhằm hỗ trợ các DNNVV phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Mục tiêu của Đề án là triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV của Trung ương và tỉnh nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các DNNVV trên địa bàn tỉnh phát triển; thúc đẩy DNNVV phát triển, tăng trưởng chất lượng và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thúc đẩy hình thành liên kết giữa các DNNVV, giữa DNNVV và các doanh nghiệp dẫn dắt trong chuỗi (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp lớn trong nước); hỗ trợ DNNVV tham gia thành công cụm liên kết, chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của DNNVV tỉnh; phát triển và gia tăng số lượng, chất lượng các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến có lợi thế cạnh tranh



Gặp mặt doanh nghiệp khởi nghiệp năm 2022 và giới thiệu các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025.

của tỉnh; góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong DNNVV tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hỗ trợ các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo để hình thành các doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, khả năng tăng trưởng nhanh dựa vào công nghệ và sở hữu trí tuệ, góp phần mạnh mẽ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đối tượng của Đề án là DNNVV được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV (gọi tắt là Nghị định 80/2021/NĐ-CP), thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh; cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến công tác hỗ trợ DNNVV.

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ của Đề án quy định cụ thể như sau:

- Nhóm hỗ trợ chung cho các DNNVV:

+ **Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):** Nội dung hỗ trợ 

☞ **trợ:** Đẩy mạnh cải cách các TTHC về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, bảo hiểm xã hội...; hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ tiện ích, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong khâu thực hiện TTHC về đăng ký doanh nghiệp. Hình thức hỗ trợ: Đẩy mạnh cải cách tất cả các TTHC liên quan đến doanh nghiệp; thực hiện 100% dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 đối với TTHC về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, thuế, hải quan, BHXH...; đến năm 2025 thực hiện 45% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường. Biên soạn các tài liệu, tờ rơi, cẩm nang hướng dẫn thực hiện quy trình về đăng ký doanh nghiệp, về đầu tư, về các kiến thức, pháp lý liên quan đến doanh nghiệp;....

+ **Hỗ trợ thuế, kế toán:** Nội dung hỗ trợ: DNNVV được hỗ trợ về thuế, kế toán theo quy định tại Điều 10 Luật Hỗ trợ DNNVV. Hình thức hỗ trợ: Áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp cho các DNNVV thuộc các lĩnh vực được ưu tiên theo quy định của Chính phủ. Hướng dẫn và tuyên truyền trong công tác quản lý thuế, hạch toán và kê khai thuế theo phương pháp đơn giản đối với những doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp siêu nhỏ. Hướng dẫn DNNVV các TTHC về thuế và phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai chế độ kê toán đơn giản theo quy định của Luật Thuế và Kế toán; thực hiện các chính sách miễn, giảm, ưu đãi về thuế đối với DNNVV theo quy định của pháp luật về thuế, kịp thời triển khai, hướng dẫn các DNNVV áp dụng chính sách thuế khi có sự thay đổi liên quan đến DNNVV.

+ **Hỗ trợ mặt bằng sản xuất:** Nội dung hỗ trợ: Bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng

đất đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hỗ trợ DNNVV và các Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02/01/2019, số 61/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành và sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hình thức hỗ trợ: Hình thành, phát triển các cụm công nghiệp dành cho DNNVV; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh.

- **Nhóm hỗ trợ công nghệ, thông tin, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực:**

+ **Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV:** Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV những nội dung cụ thể theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức (mức) hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển ☞

☞ giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. Triển khai các dự án đầu tư hỗ trợ DNNVV thông qua xây dựng mới cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng có sẵn để hình thành cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, máy móc, phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin cho cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV.

+ *Hỗ trợ thông tin cho DNNVV*: Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ thông tin cho DNNVV những nội dung cụ thể theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức hỗ trợ: Vận hành Cổng thông tin điện tử (<https://quangngai.gov.vn>) của tỉnh, cung cấp thông tin, các chương trình, kế hoạch hỗ trợ DNNVV; tiếp nhận các đăng ký hỗ trợ của các DNNVV trên địa bàn tỉnh. Tư vấn, hỗ trợ miễn phí thủ tục pháp lý về đăng ký doanh nghiệp cho các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; các thủ tục liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như an toàn vệ sinh thực phẩm, thuế, hải quan; tăng cường tư vấn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng tài liệu giới thiệu phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; công khai các văn bản quy định về thủ tục hành chính. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về kiến thức pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành cho các DNNVV. Tổ chức các sự kiện, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo về đăng ký doanh nghiệp, kết nối kinh doanh, kết nối giao thương, hỗ trợ tiếp cận tín dụng, ứng dụng thương mại điện tử; tuyên truyền, cập nhật chính sách cho DNNVV và các nội dung nâng cao năng lực về hội nhập kinh tế quốc tế cho DNNVV. Tổ chức thực hiện chương

trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa và đổi mới hình thức cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, thuận lợi.

+ *Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV*: Nội dung hỗ trợ: DNNVV tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn về TTHC, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành) theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức (mức) hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội; hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội; hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.

+ *Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV*: Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV những nội dung cụ thể theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức (mức) ☞

☞ **hỗ trợ:** Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp gồm hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho DNNVV; miễn học phí cho học viên của DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp. Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp gồm miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh, DNNVV truy cập hệ thống đào tạo trực tuyến để học tập theo thời gian phù hợp, hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm nền tảng quản trị đào tạo trực tuyến, nền tảng đào tạo trực tuyến và hệ thống nội dung bài giảng trực tuyến; miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với DNNVV thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác). Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến gồm hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại DNNVV nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ đào tạo nghề gồm hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của DNNVV khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống, các chi phí còn lại do DNNVV và người lao động thỏa thuận, người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong DNNVV tối

thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo.

- **Nhóm hỗ trợ cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh:** Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh những nội dung cụ thể theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp gồm hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn các nội dung về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có), gửi đề nghị hỗ trợ thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới Sở Kế hoạch và Đầu tư; hồ sơ đề nghị gồm bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế, bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có). Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp gồm miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu, miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc Gia. Hỗ trợ thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì gửi đề nghị tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh; trong thời

☞ hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Hỗ trợ lệ phí môn bài gồm miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán gồm tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Nhóm hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo những nội dung cụ thể theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức (mức) hỗ trợ: Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung gồm hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp, thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ gồm hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp

đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới gồm hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ công nghệ gồm hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu gồm hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm, thương mại hóa sản phẩm, phát triển thương mại điện tử, gọi vốn đầu tư, phát triển thị trường, kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm; hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá ☞

**Viettel
Quảng Ngãi
đồng hành
cùng doanh
nghiệp khởi
nghiệp sáng tạo
của tỉnh.**



50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm. Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo gồm miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở

nước ngoài; hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

- **Nhóm hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:** Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị những nội dung cụ thể theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Hình thức (mức) hỗ trợ: Hỗ trợ đào tạo gồm hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh gồm hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho DNNVV nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường gồm miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh; miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát

triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng gồm hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng gồm hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Nhóm hỗ trợ lãi suất cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: Nội dung hỗ trợ lãi suất: Hỗ trợ lãi suất cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ■

Nội dung Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

 DUNG NGUYỄN

Ngày 22/12/2021, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030. Chương trình nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tiết kiệm nguyên - nhiên - vật liệu và năng lượng, nâng cao năng suất lao động và trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; tăng giá trị gia dịch hàng hóa KH&CN, thúc đẩy phát triển cung - cầu công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi để hình thành doanh nghiệp KH&CN.

Theo đó, Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp KH&CN tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 đã đề các mục tiêu cụ thể như sau:

- Mỗi năm hỗ trợ từ 1 đến 2 doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức KH&CN.

- Mỗi năm hỗ trợ từ 05 đến 06 dự án đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thuộc một trong các lĩnh vực sau: Công nghiệp năng lượng, lọc hóa dầu, hóa chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu; công nghệ thông tin - viễn thông; công nghiệp điện tử; công nghiệp hóa dược, sản xuất chế phẩm sinh học; công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái



Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất gạch terrazzo nội thất khổ 60x60 của Công ty TNHH MTV BongTiles tham gia Chương trình đổi mới thiết bị, công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

tạo, năng lượng thông minh; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp hỗ trợ liên quan đến hóa dầu, luyện kim, cơ khí, điện - điện tử; chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghệ dệt may - da giày và công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày.

- Mỗi năm hỗ trợ từ 05 đến 06 lượt tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia trưng bày sản phẩm tại chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ 

☞ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm KH&CN trong và ngoài nước.

- Hình thành và duy trì hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, điểm hỗ trợ giao dịch và kênh thông tin công nghệ tại địa phương. Phấn đấu đến năm 2030 tổ chức ít nhất 01 sự kiện kết nối cung cầu khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

- Phấn đấu hàng năm hỗ trợ hình thành ít nhất từ 01 đến 02 doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

- Phối hợp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, chính sách phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN. Mỗi năm tổ chức đào tạo, tập huấn khoảng 20 đến 30 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong tổ chức và doanh nghiệp bằng nhiều hình thức.

Đồng thời, Chương trình cũng đưa ra một số nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra như:

1. Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị

a) Tuyên truyền, phổ biến

Tuyên truyền về mục tiêu, nội dung của Chương trình bằng nhiều hình thức khác nhau như: Phát hành tờ rơi, tài liệu phổ biến Chương trình, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức Hội nghị triển khai chương trình đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm giới thiệu, phổ biến Chương trình đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được biết và hưởng ứng, tuyên truyền trực tiếp tại một số doanh nghiệp trọng điểm, các đối tượng đặc thù...

b) Đào tạo, tập huấn

Phối hợp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, chính sách phát triển thị trường và doanh nghiệp

KH&CN cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin về KH&CN cần thiết, kỹ năng, nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ cho quản lý, chuyển giao, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp KH&CN.

c) Hội nghị, hội thảo

- Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề giới thiệu các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hướng dẫn thực hiện chính sách, tư vấn công nghệ, phát triển thị trường công nghệ và kết nối cung - cầu công nghệ cho doanh nghiệp.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết và tổng kết Chương trình để đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện các Chương trình. Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới để thực hiện Chương trình hiệu quả.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ

Điều tra, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt hiện trạng trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó đề xuất, tư vấn lộ trình, giải pháp khai thác năng lực công nghệ hiện có, giải pháp thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ để tăng cường năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho từng giai đoạn.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức KH&CN.

Đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, hình thức, nội dung và mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Quy định một ☞

☞ số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

a) Hướng dẫn doanh nghiệp thành lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

b) Hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đổi mới công nghệ: Đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, hình thức, nội dung và mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều

cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

- Thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng công nghệ hoặc hình thành dự án nghiên cứu, ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp KH&CN (thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ KH&CN). Triển khai hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

b) Thúc đẩy phát triển nguồn cung của thị trường KH&CN

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng, nâng cao chất lượng và số lượng nguồn cung



*Nhiệm vụ
“Nghiên cứu
chế tạo thiết bị
hỗ trợ tập phục
hồi chức năng
chi dưới” do
Trường Đại học
Phạm Văn Đồng
thực hiện và
nghiệm thu
năm 2020.*

2, Điều 3 và Điều 5 Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy phát triển nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ KH&CN); hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức KH&CN, nâng

hàng hóa KH&CN, sản phẩm khởi nghiệp trên thị trường.

- Hỗ trợ giải mã các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, ưu tiên công nghệ từ các nước phát triển, có tiềm năng tác động lớn và lan tỏa, trước hết là đối với một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh (thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ KH&CN).

- Hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phụ trợ, cơ giới hoá, chế biến sâu trong nông nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội ☞

☞ khó khăn, đặc biệt khó khăn (thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ KH&CN).

c) Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN

- Xây dựng và duy trì “Sàn giao dịch công nghệ”, liên kết giữa bên có sản phẩm công nghệ cần bán và bên có nhu cầu cần mua các sản phẩm công nghệ, liên kết với các mạng lưới sàn giao dịch công nghệ khu vực và cả nước.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện sự kiện kết nối cung cầu khu vực Miền Trung và Tây Nguyên nhằm xúc tiến kết nối cung cầu, chuyển giao công nghệ giữa khu vực doanh nghiệp với các Viện nghiên cứu, trường Đại học trong và ngoài nước theo nhu cầu của doanh nghiệp; Tư vấn công nghệ cho doanh nghiệp, kết nối doanh nghiệp với thị trường; Thúc đẩy hợp tác đầu tư nghiên cứu ứng dụng, phát triển đổi mới công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với đối tác nước ngoài; Tôn vinh doanh nghiệp điển hình về hoạt động đổi mới công nghệ, làm chủ công nghệ...

- Tư vấn, hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN thuộc khu vực tư nhân.

d) Tăng cường hoạt động xúc tiến thị trường KH&CN

- Đẩy mạnh tổ chức các sự kiện kết nối cung cầu công nghệ, xúc tiến thị trường KH&CN quy mô cấp tỉnh; quảng bá thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư theo cả hai phương thức trực tuyến và trực tiếp.

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia trưng bày sản phẩm tại chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), triển lãm sáng chế (Invention Exhibition), triển lãm sản phẩm KH&CN trong nước và nước ngoài.

- Đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, hình thức, nội dung và mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 6 Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp KH&CN

- Tư vấn hoàn thiện hồ sơ cho các doanh nghiệp tiềm năng để được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN.

- Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả KH&CN đã ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh và thương mại hóa cao để thành lập doanh nghiệp KH&CN.

- Tư vấn, hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp tiềm năng, doanh nghiệp KH&CN.

b) Triển khai, thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP và các quy định của các Bộ, ngành, của tỉnh.

- Hướng dẫn doanh nghiệp KH&CN thành lập và sử dụng Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp KH&CN tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Hướng dẫn doanh nghiệp KH&CN tham gia các đề án, chương trình KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, giải mã công nghệ và sản xuất kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN■

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TỈNH QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

Nhằm thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ở tất cả các khâu xác lập, khai thác, bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Qua đó, nâng cao giá trị, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

Theo đó, Chương trình đã đưa ra **mục tiêu** cụ thể như sau:

*** Đến năm 2025**

- Số văn bằng bảo hộ tăng 20% so với giai đoạn 2016 - 2020.

- Tối thiểu 50% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm OCOP được đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho 1-2 sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho 1 - 2 sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh.

*** Đến năm 2030**

- Số văn bằng bảo hộ tăng 50% so với giai đoạn 2016 - 2020.

- Tối thiểu 70% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm OCOP được đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho 2-4 sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho từ 2 - 4 sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt



Một số sản phẩm đạt giải tại Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.

giải Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh.

Để hoàn thành mục tiêu, Chương trình đã đề ra **nhiệm vụ và giải pháp** sau:

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tổ chức hoạt động tuyên truyền về sở hữu trí tuệ thông qua nhiều hình thức như: Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức các sự kiện về sở hữu trí tuệ (hội thảo, hội nghị, tọa đàm, triển lãm). Tăng cường các hình thức tuyên truyền trực tuyến. Khen thưởng, vinh danh

☛ các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm

b) Tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển tài sản trí tuệ.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm

c) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân, ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm

d) Hỗ trợ thúc đẩy hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm tạo ra các kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

a) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; trong đó ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ hỗ trợ được áp dụng theo các cơ chế, chính sách của Tỉnh thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch

vụ lợi thế, chủ lực của địa phương và các sản phẩm gắn với chương trình OCOP.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Hỗ trợ quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ quản lý, khai thác, phát triển hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh, cấp vùng, cấp Quốc gia.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho các tài sản trí tuệ như hội chợ, triển lãm, phiên chợ giới thiệu các đặc sản, sản phẩm làng nghề.

Hình thức thực hiện: Nhiệm vụ thường xuyên hằng năm.

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình là: 14.911.800.000 đồng (Mười bốn tỉ chín trăm mười một triệu tám trăm ngàn đồng). Kinh phí thực hiện Chương trình gồm kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện; nguồn đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Thông tin liên hệ: Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia chương trình liên hệ: Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ. Địa chỉ: 202A - Đường Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0255.8556000 ■

Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

✍ THS. TRẦN THỊ CẨM VÂN
THS. NGUYỄN THẾ VĨNH

Tỉnh Quảng Ngãi là một trong các tỉnh thuộc khu vực Nam Trung Bộ với 12 huyện và 1 thành phố trực thuộc, có công nông nghiệp phát triển mạnh, có hệ thống cây trồng tương đối phong phú và đa dạng, trong đó chủ yếu cây lúa, cây rau là 02 loại cây trồng chủ lực của tỉnh. Trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay, tình hình sâu bệnh hại cây trồng diễn biến phức tạp, do đó việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) là yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên, do nhận thức của người nông dân về đặc điểm, tác hại của thuốc BVTV còn hạn chế nên việc lạm dụng thuốc BVTV vẫn tương đối phổ biến dẫn đến nguy cơ mất an toàn cho sản phẩm nông sản, ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe con người. Ở khu vực đồng bằng và huyện đảo Lý Sơn, tình trạng đầu tư thâm canh ngày càng cao nên dễ dẫn đến đầu tư thâm canh mất cân đối, làm nguy cơ sâu bệnh phát sinh nhiều, tình trạng lạm dụng thuốc BVTV xảy ra phổ biến hơn so với khu vực miền núi.

Xuất phát từ vấn đề kể trên, đề tài: “Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng sử dụng và mức độ ô nhiễm dư lượng thuốc BVTV trên lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh; đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm thuốc BVTV cho sản phẩm lúa, gạo, rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh và hướng đến phát triển sản phẩm nông sản an toàn, đảm bảo sức khỏe cho con người và môi trường. Đề tài do Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ



Đề tài tổ chức Hội thảo khoa học “Giải pháp hạn chế lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản phẩm”.

tỉnh Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Quảng Ngãi thực hiện, ThS Trần Thị Cẩm Vân và ThS Nguyễn Thế Vĩnh làm đồng chủ nhiệm.

Định hướng mục tiêu của đề tài là:

Đưa ra được số liệu cụ thể, chuẩn xác về tình hình sử dụng và tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trong sản phẩm lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ đó đề ra các giải pháp thực hiện sản xuất sản

☞ phẩm sạch, an toàn, không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường.

Từ đó đề tài xác định mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá đúng thực trạng sử dụng thuốc BVTV và mức độ ô nhiễm dư lượng thuốc BVTV trên lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh.

- Đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm thuốc BVTV trong sản phẩm lúa, gạo, rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh, hướng đến phát triển sản phẩm nông sản an toàn, đảm bảo sức khỏe cho con người và môi trường.

- Đánh giá được tính khả thi của giải pháp đề xuất.

Nhóm thực hiện đề tài đã tiến hành những nội dung nghiên cứu sau:

- Điều tra hiện trạng sử dụng, kinh doanh, quản lý thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Khảo sát, đánh giá dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư trên các sản phẩm lúa, gạo và các loại rau chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đề xuất giải pháp về: quản lý, kỹ thuật và truyền thông để hạn chế việc lạm dụng và tồn dư thuốc BVTV trong canh tác lúa, rau của nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Xây dựng mô hình chuyển giao, ứng dụng và tuyên truyền giải pháp kỹ thuật đến cộng đồng người trực tiếp canh tác lúa, rau và các nhà quản lý chính quyền địa phương cũng như chuyên môn liên quan đến thuốc BVTV.

Sau thời gian triển khai thực hiện, kết quả nghiên cứu như sau:

Với các mục tiêu được đặt ra, đề tài tiến hành điều tra đánh giá thực trạng sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất lúa, rau trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đề tài đã đánh giá được tình hình cung ứng thuốc BVTV, tình hình quản lý thuốc BVTV và tình hình sử dụng thuốc BVTV tại tỉnh.

Về tình hình kinh doanh thuốc BVTV của các đại lý tại tỉnh Quảng Ngãi, đề tài



Điều tra, đánh giá tình hình cung ứng, quản lý, sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh.

đã tiến hành điều tra 150 đại lý, kết quả cho thấy: Việc sử dụng thuốc BVTV trong kiểm soát dịch hại trên các loại cây trồng đang diễn ra phổ biến tại tỉnh Quảng Ngãi. Đa số các hoạt chất thuốc BVTV được nông dân sử dụng phổ biến đều có độ độc nhóm 3. Tuy nhiên, vẫn còn có một số hoạt chất Alpha-cypermethrin, Fenobucarb, Isoprothiolane... là thuốc thuộc nhóm độc 2. Điều này sẽ tạo ra các nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe con người và môi trường nếu sử dụng các loại thuốc này không đúng như khuyến cáo và đảm bảo các nguyên tắc an toàn. Người nông dân tại tỉnh Quảng Ngãi hiện nay có độ tuổi khá cao (40-59 tuổi), việc tiếp thu các tiến bộ trong việc sử dụng an toàn và hiệu quả còn hạn chế. Bên cạnh đó, các đại lý kinh doanh thuốc BVTV tại tỉnh tuy đã được đào tạo kiến thức chuyên môn về kinh doanh thuốc BVTV nhưng tỉ lệ các đại lý có trình độ chuyên môn cao về thuốc BVTV thì không có. Trong khi lực lượng hỗ trợ (vợ, con...) đại lý kinh doanh phần lớn chưa được đào tạo về chuyên môn về thuốc BVTV. Nhận thức của các đại lý kinh doanh về những tác động của thuốc BVTV tới con người và môi trường là chưa tốt, chính vì vậy đa số không sử dụng các dụng cụ bảo hộ lao động trong kinh doanh.

Về tình hình sử dụng thuốc BVTV tại tỉnh, đề tài đã tiến hành điều tra thực trạng☞

☞ sử dụng thuốc BVTV của nông hộ với 250 nông dân trồng lúa, 400 nông dân trồng rau trên địa bàn các huyện. Kết quả cho thấy: Các biện pháp để hạn chế sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất của nông dân là rất thấp. Biện pháp bảo hộ trong việc sử dụng thuốc BVTV an toàn đã được nông dân áp dụng nhưng chưa đầy đủ. Số lần phun thuốc BVTV để kiểm soát dịch trên trồng khá cao và đi kèm theo là chi phí khá lớn. Tùy thuộc vào chủng loại rau, mùa vụ gieo trồng mà số lần phun và chi phí phun khác nhau. Hiện nay, việc sử dụng thuốc BVTV để kiểm soát đối tượng gây hại khó kiểm soát nhất là sâu hại (chiếm tỷ lệ 49,54%), tiếp theo là bệnh hại, cỏ dại, chuột và ốc (chiếm tỷ lệ tương ứng là 30,15%, 12,46%, 6,15% và 1,69%), vì vậy thuốc BVTV dùng để phòng trừ sâu hại nhiều nhất về hoạt chất và tên thương mại. Dạng bao bì chai nhựa và các loại thuốc BVTV dạng dung dịch với những tiện ích nên được nông dân ưa thích sử dụng. Thế nhưng, việc thu gom vỏ, bao gói thuốc sau sử dụng vẫn còn nhiều hạn chế. Theo kết quả điều tra việc xử lý bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng cho thấy chỉ có 1,5% nông dân để bao bì lại trên đồng ruộng, 0,8% vứt xuống kênh mương, 9,2% đem đốt, 2,2% đem chôn lấp, 86,3% bỏ vào hồ rác công cộng. Vì vậy, đây cũng là vấn đề cần quan tâm để hạn chế ô nhiễm môi trường và sức khỏe con người. Bên cạnh đó, nguồn thông tin về thuốc BVTV chủ yếu được nông dân thu nhận đó là lấy thông tin qua đại lý và việc sử dụng thuốc BVTV theo kinh nghiệm của nông dân còn phổ biến; việc phối trộn, tăng liều sử dụng cũng như thay đổi các loại thuốc BVTV được nông dân áp dụng thường xuyên...

Đề tài thực hiện khảo sát, đánh giá dư lượng thuốc BVTV tồn dư trên các sản phẩm lúa, gạo và các loại rau chính trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đề tài đã tổ chức lấy mẫu tại thời điểm thu hoạch của hộ nông dân, xử lý và phân tích mẫu tại 07 huyện,



Thu mẫu tỏi tại huyện Lý Sơn.



Thu mẫu lúa tại thị xã Đức Phổ.

thành phố với số lượng mẫu được lấy là 330 mẫu; trong đó: 60 mẫu lúa, 60 mẫu rau cải, 60 mẫu ớt, 60 mẫu dưa leo, 30 mẫu bắp cải, 30 mẫu hành và 30 mẫu tỏi. Kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV trong các mẫu cho thấy có 01 mẫu rau có hàm lượng dư lượng thuốc BVTV vượt giới hạn cho phép theo quy định tại Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y Tế.



Phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm

Trên cơ sở đó, đề tài xây dựng mô hình chuyển giao, ứng dụng và tuyên truyền giải

☞ pháp kỹ thuật đến cộng đồng người trực tiếp canh tác lúa, rau và các nhà quản lý chính quyền địa phương cũng như chuyên môn liên quan đến thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh. Đề tài đã xây dựng 4 mô hình canh tác theo hướng an toàn sinh học gồm: Mô hình trồng lúa, mô hình trồng dưa leo, mô hình trồng rau cải, mô hình trồng rau bắp cải.

Mô hình trồng lúa được thực hiện trên diện tích 1 ha, tại xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ, sử dụng giống lúa Qng 6 (Thiên hương 6), lượng giống sạ 4,5 kg/sào, 12 hộ nông dân tham gia mô hình. Lượng phân cho 1 ha (10.000 m²) gồm: Phân chuồng 10.000 kg, phân lân Supe 400 kg, phân Urê 240kg, phân Kali 120kg, vôi 500 kg. Kết quả mô hình: Ruộng mô hình sử dụng lượng giống gieo sạ 90kg/ha còn ruộng nông dân gieo sạ 120kg/ha, so với ruộng nông dân thì ruộng mô hình giảm 30kg/ha, tiết kiệm được 690.000 đồng/ha tiền mua lúa giống; ruộng nông dân có số lần phun thuốc trừ sâu nhiều hơn 02 lần, thuốc bệnh nhiều hơn 0,5 lần so với ruộng mô hình; ruộng mô hình ước tính năng suất đạt 69,5 tạ/ha, còn ruộng nông dân 61,5 tạ/ha, cao hơn ruộng nông dân 8,0 tạ/ha. Lợi nhuận đem lại cho người nông dân trong mô hình 18.360.000 đồng/ha, ruộng nông dân là 8.570.000 đồng/ha; như vậy, so với ruộng nông dân thì ruộng mô hình lãi cao hơn 9.790.000 đồng/ha. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm được lượng giống gieo sạ, giảm thuốc BVTV, công phun thuốc và năng suất lúa tăng.

Mô hình trồng dưa leo được triển khai tại xứ đồng Đùi xã Thông, thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, trên diện tích 2000m², 3 hộ nông dân tham gia. Mô hình chọn giống có năng suất cao và khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng của địa phương là giống dưa leo lai F1 –TLP 686 (Đồng tiền vàng); mật độ 1.000 - 1.200 cây/sào; khoảng cách hàng x hàng 90 cm, cây x cây 45 - 50 cm. Tổng lượng phân bón cho



Mô hình cây dưa leo sử dụng giống dưa leo lai F1 –TLP 686 (Đồng tiền vàng).

1 ha: 10.000 kg phân chuồng + 400 kg lân super + 250 kg ure + 240 kg kali + 600 kg vôi. Kết quả mô hình: Ruộng nông dân có số lần phun thuốc trừ sâu nhiều hơn 02 lần so với ruộng mô hình; ruộng mô hình ước tính năng suất đạt 48tấn/ha, ruộng nông dân 43,5 tấn/ha, cao hơn ruộng nông dân 4,5tấn/ha. Lợi nhuận đem lại cho người nông dân trong mô hình 147.480.000 đồng/ha, ruộng nông dân là 123.340.000 đồng/ha; như vậy, so với ruộng nông dân thì ruộng mô hình lãi cao hơn 24.140.000 đồng/ha. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm được lượng phân bón, giảm thuốc BVTV, công phun thuốc.

Mô hình trồng rau cải được thực hiện trên diện tích 2.000 m², tại thôn 6, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, sử dụng giống Champion của công ty Hai mũi tên đỏ, lượng giống sạ 200 g/sào, 01 hộ nông dân tham gia mô hình. Lượng phân cho 1 sào (500 m²): Bón lót: Phân chuồng (300 kg phân chuồng hoai mục, 100 kg phân cút), Trichoderma (loại dùng bón trực tiếp) 2kg, urê 01 kg, kali 01 kg, lân super 03 kg, lân vi sinh 10 kg; bón thúc đợt 1 (10 ngày sau gieo) 4 kg NPK 16:16:8; bón thúc đợt 2 (20 ngày sau gieo) 4 kg NPK 16:16:8. Kết quả mô hình: Ruộng mô hình sử dụng lượng giống 200g/500m², ruộng nông dân sử dụng 300g/500m², so với ruộng nông dân thì ruộng mô hình giảm 100g/500m², tiết kiệm được 20.000 đồng/500m² (400.000 đồng/ha) tiền mua ☞

giống; ruộng nông dân và ruộng mô hình có số lần phun thuốc trừ sâu bằng nhau; ruộng mô hình ước tính năng suất đạt 1,4 tấn/500m², ruộng nông dân 0,9 tấn/500m², cao hơn ruộng nông dân 0,2 tấn/500m². Lợi nhuận đem lại cho người nông dân trong mô hình 1.094.000 đồng/500m², ruộng nông dân là 626.000 đồng/500m²; như vậy, so với ruộng nông dân thì ruộng mô hình lãi cao hơn 468.000 đồng/500m². Nguyên nhân chủ yếu là do giảm được lượng giống gieo sạ, giảm thuốc BVTV và năng suất rau cải ngọt tăng.

Mô hình trồng bắp cải được triển khai trên diện tích 2.000 m², ở thôn 6, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, sử dụng giống bắp cải F1 TN5 của công ty Trang Nông, 02 hộ nông dân tham gia mô hình.



Mô hình trồng bắp cải ở sử dụng giống bắp cải F1 TN5 của công ty Trang Nông.

Lượng giống sử dụng 20g/sào (500 m²), mật độ trồng 2.200 - 2.400 cây/sào. Trong vườn ươm: Lượng phân cho 300 m²: Bón lót 500 kg phân chuồng, 5 - 6 kg phân lân, 01 kg Trichoderma (loại dùng bón trực tiếp), DAP 02 kg hòa tưới cây con. Ngoài ruộng sản xuất: Phân chuồng (500 kg phân chuồng hoai mục, 200 kg phân cắt), vôi 40 kg, Trichoderma (loại dùng bón trực tiếp) 2kg, phân lân 20 kg, NPK 20-20-15 10 kg, NPK 18-14-7 25 kg. Kết quả mô hình: Ruộng mô hình có số lần phun thuốc so với ruộng nông dân giảm được 3,75 lần và giảm được 1-2 loại thuốc/lần phun; phần lớn thuốc BVTV sử dụng trong mô hình là thuốc sinh học,

thuốc BVTV dùng tại ruộng nông dân phần lớn là thuốc có nguồn gốc hóa học và trong số đó không hướng dẫn sử dụng trên cây rau; nông dân thường phun kèm 1-2 loại thuốc trừ sâu với thuốc trừ rầy để dùng cho 1 lần phun; ruộng mô hình tiết kiệm được 250.000 đồng tiền thuốc so với ruộng nông dân; ruộng mô hình ước tính năng suất đạt 2,3 tấn/500m², ruộng nông dân 1,9 tấn/500m², cao hơn ruộng nông dân 0,4 tấn/500m². Lợi nhuận đem lại cho người nông dân trong mô hình 5.721.000 đồng/500m², ruộng nông dân là 3.962.000 đồng/500m²; như vậy, so với ruộng nông dân thì ruộng mô hình lãi cao hơn 1.759.000 đồng/500m². Nguyên nhân chủ yếu là do giảm thuốc BVTV và năng suất rau bắp cải tăng.

Từ đó, đề tài đề xuất giải pháp về quản lý, kỹ thuật và truyền thông để hạn chế việc lạm dụng và tồn dư thuốc BVTV trong canh tác lúa, rau của nông hộ trên địa bàn tỉnh. Trong đó, các giải pháp kỹ thuật được triển khai gồm: Giải pháp sử dụng giống cây trồng chống chịu sâu bệnh; sử dụng thuốc BVTV sinh học thay thế thuốc hóa học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng, tuân thủ các quy định về an toàn trong sử dụng thuốc BVTV; giải pháp đấu tranh sinh học; giải pháp kỹ thuật canh tác.

Kết quả của đề tài đã bổ sung các thông tin về tình hình sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất lúa, gạo và rau trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ ô nhiễm dư lượng thuốc BVTV trong gạo, rau. Hơn nữa, kết quả của đề tài là cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đưa ra các giải pháp quản lý trong sản xuất lúa, gạo, rau; quản lý về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV, về tồn dư thuốc BVTV trong nông sản, về tình hình thải bỏ thuốc BVTV,... giúp người dân thấy được những tác hại của việc lạm dụng thuốc BVTV trong canh tác, từ đó hướng đến phát triển sản xuất nông sản sạch, nông nghiệp bền vững ở tỉnh trong tương lai ■

PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

ANH KHUÊ

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (HSTKNĐMST) của tỉnh đang ở giai đoạn hình thành. Do vậy, việc thúc đẩy phát triển HSTKNĐMST, tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST phát triển là hết sức cần thiết.



“Hội thảo các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp KNĐMST, doanh nghiệp nhỏ và vừa” tại lễ tổng kết Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 3, năm 2021.

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Startup ecosystem): bao gồm các cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST và các chủ thể hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển, trong đó có chính sách và luật pháp của nhà nước (về thành lập doanh nghiệp, thành lập tổ chức đầu tư mạo hiểm, thuế, cơ chế thoái vốn...); cơ sở hạ tầng dành cho khởi nghiệp (các khu không gian làm việc chung, cơ sở – vật chất phục vụ thí nghiệm, thử nghiệm để xây dựng sản phẩm mẫu,...); vốn và tài chính (các quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư cá nhân, các ngân hàng, tổ chức đầu tư tài chính,...); văn hóa khởi nghiệp (văn hóa doanh

nhân, văn hóa chấp nhận rủi ro, mạo hiểm, thất bại); các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, các huấn luyện viên khởi nghiệp và nhà tư vấn khởi nghiệp; các trường đại học; các khóa đào tạo, tập huấn cho cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp; nhà đầu tư khởi nghiệp; nhân lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp; thị trường trong nước và quốc tế.

Trong thời gian qua, với sự quan tâm hỗ trợ của lãnh đạo tỉnh, sự tham gia tích cực của nhiều cơ quan, đơn vị, đặc biệt là sự vào cuộc tích cực của Tỉnh đoàn, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh và những cách làm mới, sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có những bước khởi sắc đáng ghi nhận. Các hoạt động tuyên truyền được đẩy mạnh thực hiện như: Xây dựng chuyên mục “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” trên Báo Quảng Ngãi, chuyên mục “Câu chuyện khởi nghiệp” trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh, tổ chức Ngày hội truyền lửa khởi nghiệp cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên toàn tỉnh,... đã tạo nên không khí khởi nghiệp lan tỏa đến nhiều thành phần; năng lực của hệ sinh thái cũng được nâng cao thông qua lớp đào tạo kỹ năng hỗ trợ khởi nghiệp

☞ đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ tác các cơ quan, đơn vị liên quan, giảng viên các trường ĐH, CĐ, THPT, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp,...; Đặc biệt, việc tổ chức thành công Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần 1 (năm 2019), lần 2 (năm 2020) và lần 3 (năm 2021) đã nhanh chóng nhận được sự quan tâm của cộng đồng với nhiều đối tượng khác nhau như học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên, phụ nữ, doanh nghiệp (DN) nhỏ mới thành lập, kể cả là người Quảng Ngãi đang sống và làm việc ở các tỉnh khác. Số lượng các dự án khởi nghiệp tăng và ngày càng có chất lượng, chủ yếu tập trung vào các ý tưởng phát triển nâng cao giá trị cho sản phẩm tại địa phương. Hơn nữa, các cơ quan, ban, ngành đã quan tâm đến hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp bước đầu hoạt động hiệu quả... Qua đó, hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh bước đầu đã hình thành và phát triển.

Tuy nhiên, so với các tỉnh và thành phố trong khu vực, HSTKNĐMST của tỉnh Quảng Ngãi hiện ở cấp độ mới hình thành, còn sơ khai, các thành tố chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, hiệu quả thấp, cụ thể: Các DN khởi nghiệp ĐMST đã hình thành nhưng số lượng chưa nhiều. Trong giai đoạn 2016 - 2020, có 15 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành, có 74 dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ tư vấn, đào tạo, tập huấn để tiếp tục hoàn thiện và phát triển. Trong khi đó, con số này trung bình của cả nước là 47 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tính ĐMST trong đa phần các dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp vẫn còn đang ở mức độ đơn giản và hàm lượng khoa học, công nghệ chưa cao, chủ yếu là đổi mới về mẫu mã sản phẩm, hình thành một số sản phẩm mới. Các chính sách mới dừng ở giai đoạn đầu, chưa đầy đủ và chưa hỗ trợ trực tiếp đến sự phát triển bền vững, các cơ hội tăng trưởng mới của doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Trong đó, các chính sách khuyến

khích ĐMST còn hạn chế, chưa có chính sách liên kết các nhóm đầu tư thông qua nhà nước để giúp dự án khởi nghiệp ĐMST tiếp cận vốn. Việc tiếp cận các thông tin về cơ chế chính sách cũng chưa thuận lợi, đồng thời thủ tục để thực hiện các chính sách này đôi khi còn bất cập. Bức tranh tài chính của HSTKNĐMST vẫn chưa được hoàn thiện, chưa khai thông nguồn vốn xã hội, các kênh tài chính giúp doanh nghiệp ĐMST tăng khả năng tiếp cận vốn còn thiếu như: Quỹ đầu tư thiên thần, đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư cá nhân... Văn hóa khởi nghiệp ĐMST vẫn chưa thật sự được hình thành, nhận thức, tư duy về HSTKNĐMST còn hạn chế. Các chủ thể trong HSTKNĐMST vẫn chưa thực sự quan tâm và xem khởi nghiệp ĐMST là động lực để phát triển kinh tế và có định hướng hành động cụ thể. Sự kết nối và tham gia của đội ngũ doanh nhân đi trước còn yếu. Mạng lưới các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST còn thiếu và yếu. Hiện nay chỉ mới thành lập 01 Câu lạc bộ khởi nghiệp sáng tạo tỉnh và 03 câu lạc bộ khởi nghiệp sáng tạo tại huyện Mộ Đức, Sơn Hà và Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Chưa hình thành các khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp, không gian làm việc chung. Các công ty cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho khởi nghiệp còn rời rạc. Mặc dù đã kết nối, tuyển chọn, đào tạo đội ngũ tư vấn, cố vấn hỗ trợ khởi nghiệp từ các cơ quan nhà nước, trường đại học, cao đẳng, THPT nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng, chưa có nhà tư vấn về khởi nghiệp ĐMST được công nhận. Nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn còn thiếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, riêng biệt để đáp ứng nhu cầu thị trường. Năng lực mạng lưới kinh doanh, chuỗi giá trị tại địa phương vẫn chưa rõ nét và mang tính chiến lược toàn diện, lâu dài...

Bà Phan Thị Cẩm Vân, Phó phòng Quản lý công nghệ và Chuyên ngành cho biết: Khởi nghiệp ĐMST là một quá trình mang nhiều khó khăn, thách thức và đầy rủi ro. Để ☞

hoàn thiện phát triển HSTKNĐMST, tạo lập môi trường thuận lợi thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình DN gắn với ĐMST, tỉnh Quảng Ngãi cần tập trung phát triển HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi theo định hướng sau: Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động khởi nghiệp ĐMST thông qua việc ứng dụng thành tựu Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đồng thời gắn chặt với đề án phát triển mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Chương trình chuyển đổi số. Chú trọng việc thương mại hóa kết quả

nghiên cứu khoa học các cấp. Khuyến khích tạo điều kiện để các dự án/DN khởi nghiệp ĐMST tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tập trung hình thành và hỗ trợ cho các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trên cơ sở tận dụng nguồn lực sẵn có và hỗ trợ để kết nối các nguồn lực xã hội hóa. Đẩy mạnh kết nối HSTKNĐMST của tỉnh với HSTKNĐMST của vùng và quốc gia để tận dụng nguồn lực có sẵn giúp HSTKNĐMST đi nhanh và hiệu quả hơn ■

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

VÂN PHAN

Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng (HSTKNĐMST) và tạo điều kiện để hệ sinh thái phát triển bền vững là vấn đề nhận được sự quan tâm sâu sắc của các chính phủ cũng như giới học thuật những năm gần đây, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 đang tạo nên những cơ hội và thách thức mới cho tất cả các quốc gia. Việc nghiên cứu lý luận liên quan, tìm kiếm các thành tố và các mô hình thực tiễn, sau đó đánh giá thực trạng địa phương sẽ giúp các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách có cái nhìn rõ ràng hơn về việc xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp dựa trên ĐMST. Do đó, để đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp với đặc thù của tỉnh Quảng Ngãi, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai đề tài cơ sở "Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi".

Mục tiêu của đề tài là đánh giá thực trạng HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất được các giải pháp phù hợp để phát triển HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, đề tài đã thực hiện các nội dung nghiên cứu gồm: Nghiên cứu tổng quan về HSTKNĐMST, khái niệm, các thành phần trong HSTKNĐMST, các yếu tố ảnh hưởng và các mô hình thực tiễn về HSTKNĐMST; Điều tra, đánh giá thực trạng HSTKNĐMST

tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020; Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về HSTKNĐMST trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020; Đề xuất các giải pháp phát triển HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Trải qua thời gian 05 tháng nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tích cực triển khai và đạt được những kết quả như sau:

Xây dựng báo cáo tổng quan về HSTKNĐMST, trong đó khái quát lại được khái niệm về HSTKNĐMST, các thành tố

chính của HSTKNĐMST, các yếu tố tác động đến HSTKNĐMST cũng như vai trò của HSTKNĐMST đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một địa phương.

Trên cơ sở phân tích số liệu sơ cấp và thứ cấp do nhóm nghiên cứu thu thập được về HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, đối chiếu với các tiêu chí và mức độ theo hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai đề án "Hỗ trợ HSTKNĐMST đổi mới sáng tạo quốc gia" của Bộ Khoa học và Công nghệ kèm theo Công văn số 1919/BKHCN-PTTĐN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2017 cho thấy HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi đang ở giai đoạn mới hình thành.

Từ thực trạng HSTKNĐMST giai đoạn 2016-2020 và định hướng của HSTKNĐMST Việt Nam, quan điểm, mục tiêu phát triển của tỉnh Quảng Ngãi, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau: (1) Nâng cao nhận thức về HSTKNĐMST trong toàn hệ thống chính trị (2) Xây dựng, phát triển văn hóa KNĐMST trong cộng đồng (3) Xây dựng, hoàn thiện chính sách

lực cho HSTKNĐMST. (6) Huy động các nguồn tài chính hỗ trợ cho HSTKNĐMST. (7) Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường. (8) Thúc đẩy mối liên kết giữa các chủ thể trong HSTKNĐMST

Khởi nghiệp ĐMST là một quá trình mang nhiều khó khăn, thách thức và đầy rủi ro. Để thực hiện thành công chủ trương hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, rất cần sự chung tay tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ mạnh mẽ, đặc biệt là vai trò của nhà nước. Để thúc đẩy quá trình hoàn thiện và phát triển HSTKNĐMST trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu, phối hợp xây dựng và kiến nghị Chính phủ ban hành, thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách đặc thù về khoa học công nghệ và HSTKNĐMST nhằm đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp theo đặc thù vùng và từng địa phương trong vùng.

- Có kế hoạch hỗ trợ thúc đẩy các địa phương, vùng có HSTKNĐMST còn yếu để nhanh chóng bắt kịp với các địa phương phát triển từ đó phát triển đồng bộ.

Đối với Tỉnh ủy

Xem xét ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030 nhằm huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh.

Đối với UBND tỉnh

- Cần xây dựng Chương trình liên kết vùng về khoa học và công nghệ và ĐMST để thúc đẩy hoạt động HSTKNĐMST phát triển đồng bộ, phát huy tối đa hiệu quả mang lại.

- Tăng cường vai trò kết nối, huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy hoàn thiện và phát triển HSTKNĐMST trên địa bàn tỉnh ■

Hình. Cấp độ phát triển của HSTKNĐMST tỉnh Quảng Ngãi



thúc đẩy hình thành HSTKNĐMST. (4) Hình thành và phát triển hệ thống hỗ trợ cho hoạt động KNĐMST. (5) Phát triển nguồn nhân

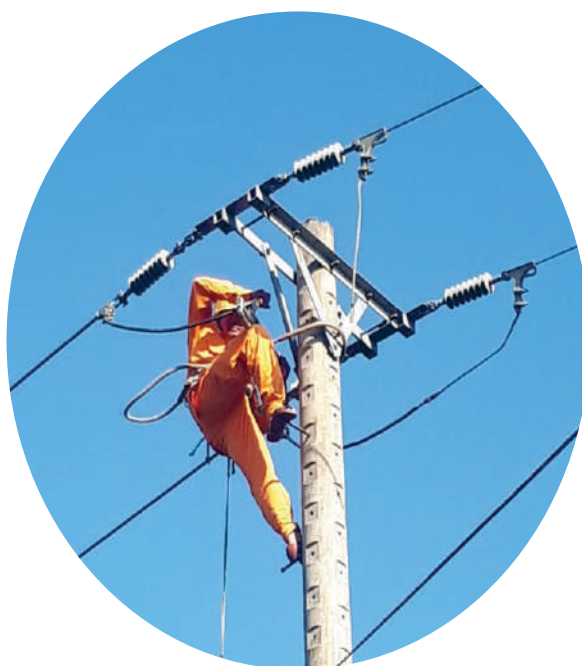
ĐẨY MẠNH SÁNG TẠO PHỤC VỤ TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH

✍ NGUYỄN DUNG

Trong thời gian qua, với tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu, say mê sáng tạo, đội ngũ cán bộ, nhân viên Công ty Điện lực Quảng Ngãi (PC Quảng Ngãi) đã có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có giá trị, hiệu quả, áp dụng vào công tác sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất lao động, an toàn cho người lao động và đảm bảo cung cấp điện.

Xác định việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong toàn thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) là nhiệm vụ trọng tâm trong mọi mặt hoạt động của Công ty, những năm qua, Lãnh đạo Công ty luôn khuyến khích toàn thể CBCNV trong Công ty phát huy sức sáng tạo và phát triển sáng kiến của mình. Hàng năm, CBCNV PC Quảng Ngãi hăng hái tham gia nhiệt tình các cuộc thi sáng kiến và những sáng kiến của PC Quảng Ngãi đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng các lĩnh vực sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo kỹ thuật và an toàn cho các CBCNV. Qua đó đã khẳng định tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, ý chí quyết tâm của đội ngũ CBCNV làm công tác kỹ thuật và làm các công tác khác trong công ty.

Hưởng ứng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 2016 đến nay, PC Quảng Ngãi đã tham gia Hội thi với 14 sáng kiến cải tiến kỹ thuật và đã có 09 đề tài được công nhận và đạt giải. Cụ thể, tại Hội thi lần thứ 10 (2016-2017), PC Quảng Ngãi đã có 02 giải pháp đạt giải Khuyến khích trên 05 sáng kiến tham gia dự thi. Tại Hội thi lần thứ 11 (2018-2019), PC Quảng Ngãi cũng đã có 01 giải Khuyến khích trên 03 sáng kiến được công nhận. Tại Hội thi lần thứ 12 (2020-2021), PC Quảng Ngãi tham gia 06 giải pháp và đều đạt giải với 01 giải Nhì, 03 giải Ba và 02 giải Khuyến khích. Đây là những giải pháp xuất phát từ yêu cầu



Sáng kiến “Bộ giá đỡ kim thủy lực trên không” được ứng dụng vào quá trình thi công lưới điện tại Công ty Điện lực Quảng Ngãi.

thực tiễn đã được ứng dụng vào sản xuất và ít nhiều đều đã có những đóng góp thiết thực góp phần nâng cao năng suất, chất lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp.

Tiêu biểu là giải pháp “Bộ giá đỡ kim thủy lực trên không” của kỹ sư Trần Quang Thắng. Từ thực tế thi công sửa chữa hoặc xây dựng mới lưới điện, việc dùng kim thủy lực ép ống nối dây trên cột điện rất khó khăn, tốn thời gian thi công. Công việc này đòi hỏi phải có 2 người thực hiện (một người dùng vai hoặc đùi làm điểm tựa cho kim thủy lực, người còn lại thực hiện ép ống nối dây). Điểm tựa



“Bộ giá đỡ kim thủy lực trên không” của kỹ sư Trần Quang Thắng

không vững chắc nên lực ép không ổn định, mỗi ép không đẹp, chất lượng không đảm bảo kỹ thuật. Người làm điểm tựa cho kim ép phải chịu một lực nặng khi ép ống nổi lên vai hoặc đùi gây đau nhức, ảnh hưởng đến sức khỏe dẫn đến nguy cơ mất an toàn trong khi công tác. Do đó, để khắc phục tình trạng nêu trên, đảm bảo kỹ thuật và an toàn trong quá trình công tác, nâng cao năng suất lao động và đặc biệt là hạn chế các tai nạn đáng tiếc xảy ra, kỹ sư Trần Quang Thắng đã phát minh ra giải pháp “Bộ giá đỡ kim thủy lực trên không” để làm điểm tựa trong quá trình ép ống nổi cho các vị trí leo trên cột điện. Bộ giá đỡ kim thủy lực bao gồm: Bộ phận cố định vào thân cột bê tông ly tâm; bộ phận làm điểm tựa cho kim thủy lực và thanh nạnh chống để đảm bảo khả năng chịu lực cho điểm tựa; bộ phận gắn kim thủy lực cố định (có khả năng xoay theo nhiều hướng).

Kỹ sư Trần Quang Thắng cho biết: Trước khi có giải pháp, việc ép các ống nổi cần 02 công nhân trèo lên 01 vị trí công tác: Một người làm điểm tựa (dùng vai hoặc đùi) và người còn lại thực

hiện ép ống nổi. Sau khi có giải pháp chỉ cần 01 công nhân công tác tại 01 vị trí. Người công nhân kéo bộ giá đỡ lên cột, thực hiện cố định bộ giá đỡ vào thân cột, sau đó kéo kim thủy lực lên và lắp cố định vào thanh xoay của bộ giá đỡ. Thực hiện ép ống nổi cho các vị trí leo trên lưới điện. Giải pháp này rút ngắn thời gian thi công, giảm thời gian cắt điện, đảm bảo an toàn kỹ thuật trong quá trình thi công lưới điện, đem lại hiệu quả kinh tế cho công ty khoảng 1,9 tỷ đồng/năm.

Hay như sáng kiến “Giá thao tác đa năng” của kỹ sư Nguyễn Hữu Thanh Giá thao tác đa năng có các bộ phận: Giá thao tác, gồm các thanh xà để thay đổi điểm tựa chân cho người công nhân và cùm cố định để xoay theo hướng thuận tiện công việc. Giá an toàn, gồm có thanh nạnh chống và bộ cùm để cố định thanh nạnh chống. Giá thao tác đa năng có thể điều chỉnh được góc xoay (có thể xoay 180 độ hoặc 360 độ) tạo điều kiện cho người công nhân làm việc ở tư thế thoải mái (với việc sử dụng ty leo, người công nhân chỉ có thể tạo điểm tựa theo hướng của lỗ cột bê tông ly tâm). Giá thao tác có thể thu gọn lại, thuận tiện cho việc chuyên chở. Giá thao tác đã được tính toán khả năng an toàn và chịu tải trọng bằng phần mềm SAP 2000. Chịu được tải một bên 150kg, khi chưa có

(Xem tiếp trang 27)



Sáng kiến “Giá thao tác đa năng” của kỹ sư Nguyễn Hữu Thanh.

Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 16/3/2022 thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025 với mục đích: Nhằm quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện kịp thời từng nội dung hoạt động của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025 (gọi tắt là Chương trình) đến các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan làm đầu mối, các tổ chức và doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (gọi tắt là doanh nghiệp kinh doanh bền vững) triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm hiệu quả theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, các nhiệm vụ chủ yếu hoạt động của chương trình gồm:

1. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững

a) Triển khai xây dựng tài liệu, tổ chức phổ biến thông tin, truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, cộng đồng doanh nghiệp về kinh doanh bền vững

b) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững nắm vững cơ chế thực hiện Chương trình; nguyên tắc đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức đo lường đánh giá

và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

c) Phối hợp triển khai xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

d) Xây dựng, phát triển nền tảng thông tin để hình thành cơ sở thông tin dữ liệu về doanh nghiệp kinh doanh bền vững

đ) Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp, công cụ nhằm đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững

e) Khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng cho kinh doanh bền vững; phát triển nền tảng thông tin kết nối khách hàng doanh nghiệp kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư

g) Hỗ trợ tư vấn về các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng cho kinh doanh bền vững

h) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về các mô hình kinh doanh bền vững; các giải pháp, công cụ đo lường; đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; kết nối doanh nghiệp thực hiện kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư; kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh bền vững

Doanh nghiệp được đánh giá và công nhận là doanh nghiệp kinh doanh bền vững được hỗ trợ các nội dung sau (riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh bền vững là doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo định mức hỗ trợ cao nhất quy định tại Đề án hỗ trợ DNNVV), cụ thể:

a) Hỗ trợ tư vấn, đào tạo, bao gồm cả hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp về xây dựng chiến lược, thiết kế mô hình, phương án kinh doanh bền vững; nhân sự; tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Các nội dung hỗ trợ: (i) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững; (ii) Hỗ trợ công nghệ bao gồm: Tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn lựa chọn giải pháp chuyển đổi số; (iii) Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh bền vững

c) Hỗ trợ tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư.

d) Hỗ trợ về truyền thông, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp: Hỗ trợ đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài ■

ĐẦY MẠNH SÁNG TẠO...

(Tiếp theo trang 25)

thanh chống.

Kỹ sư Nguyễn Hữu Thanh cho biết: Theo đặc thù công việc, thi công tại các vị trí góc, hầm néo, hầm dừng, thay xà... người công nhân phải đứng trên cột bê tông ly tâm rất lâu, nhiều trường hợp phải vưon người ra xa để thực hiện (các công việc này thường giao cho người có thể hình cao, to đáp ứng được nội dung công việc). Việc đứng trên ty leo để thực hiện công việc đặc thù như các trường hợp trên trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc, ảnh hưởng đến sức khỏe của người công nhân. Do vậy, với giải pháp “Giá thao tác đa năng” sẽ giúp tạo ra điểm tựa vững chắc, đảm bảo an toàn, thuận lợi và sự thoải mái trong quá trình làm việc. Giá thao tác dài tạo sự thoải mái cho người công nhân thay đổi tư thế đứng (so với ty leo). Giá thao tác có thể xoay theo nhiều hướng và bộ cùm cố định thanh nạnh chống theo các hướng khác nhau. Kết hợp với dây đeo an toàn, người công nhân có thể vưon người ra xa để thực hiện công việc. Có thể làm nhiều việc trên giá thao tác, như ép đầu cosse, tăng dây, thay bulong... Sử dụng được một người hoặc 2 người. Về hiệu quả kinh tế, giải pháp đã giảm được 185 giờ cắt điện công tác/năm, khoảng 70 phút SAIDI (Chỉ số về thời gian mất điện trung bình của lưới điện phân phối) bảo dưỡng của Công ty; giảm 1,5 nhân công/ngày công tác. Ước tính làm lợi cho công ty khoảng 2 tỷ đồng/năm

Những giải pháp trên đã được Tổng Công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) công nhận là sáng kiến cải tiến kỹ thuật và được áp dụng rộng rãi trong EVNCPC, góp phần nâng cao năng suất lao động, an toàn vận hành, đảm bảo cung cấp điện chất lượng, ổn định cho nhân dân trong toàn tỉnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà ■

Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025

✍ NGUYỄN TÚ

Thực hiện Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 7/1/2022 về việc triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

Chương trình được thực hiện trên phạm vi 07 huyện, thị xã thuộc địa bàn tỉnh là Bình Sơn, Sơn Tịnh, Sơn Hà, Ba Tơ, Lý Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ (theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

Đối tượng của Chương trình là tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động thương mại tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia vào hoạt động quản lý, thực hiện chương trình; các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác có liên quan.

Nội dung Chương trình:

1. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai cơ chế chính sách về phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, và hải đảo. Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành có liên quan đến phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định chồng chéo, không phù hợp; ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành



Hội nghị Tổng kết Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020

(Nguồn: Internet).

mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với các quy định và điều kiện thực tế của các địa phương. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

2. Xây dựng mô hình phát triển các mặt hàng tiềm năng lợi thế của tỉnh: Hướng dẫn, tạo điều kiện các cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết lập mô hình mua bán, phân phối hàng hóa để kết nối cung cầu, liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp phù hợp quy mô thị trường của từng địa bàn. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh, xây dựng cửa hàng, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, điểm bán hàng với tên gọi Tự hào hàng Việt, tinh hoa hàng Việt, điểm phân phối các đặc sản vùng miền nhằm giới thiệu, quảng bá, kết nối tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, đặc trưng của miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo của tỉnh và các tỉnh thành trong cả nước. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án đổi mới phương thức

kinh doanh nông sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Triển khai các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy phát triển các mặt hàng là tiềm năng, lợi thế của địa phương: Tổ chức các hoạt động phân phối hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng tại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa là lợi thế phát triển khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo thông qua kênh phân phối trên thị trường cả nước. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn trong hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, giao thương hàng hóa và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn. Khuyến khích xuất khẩu theo chính ngạch đối với hàng hóa lợi thế được sản xuất khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Triển khai các chương trình, dự án phát triển sản xuất những mặt hàng tiềm năng, lợi thế khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2021 ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

4. Phát triển thương mại hàng hóa và dịch vụ của khu vực gắn với hoạt động du lịch biển đảo: Xây dựng các chương trình, hoạt động du lịch gắn với mua sắm, tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, đặc sản, đặc thù của địa phương vùng biển

đảo. Xây dựng mối liên kết giữa các địa phương có thể mạnh về sản phẩm đặc trưng và tiềm năng du lịch. Khuyến khích và thu hút thương nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ gắn với du lịch biển đảo.

5. Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Kêu gọi đầu tư, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn các huyện, thị xã thuộc Chương trình. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, các giải pháp công nghệ số và các dịch vụ tích hợp dựa trên công nghệ tiên tiến như mã truy xuất sản phẩm, mã truy xuất nguồn gốc vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thương mại, thương nhân, doanh nghiệp hoạt động tại địa bàn: Tổ chức/tham gia các Hội nghị, Hội thảo, Diễn đàn, tọa đàm, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nâng cao năng lực,... cho cán bộ, công chức, thương nhân làm công tác quản lý, phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo kinh doanh thương mại trên địa bàn các huyện, thị xã thuộc Chương trình; lồng ghép vào Chương trình phát triển chợ, các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với đề án thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện. Khuyến khích phát triển các thương nhân, doanh nghiệp là người dân địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo tham gia hoạt động thương mại.

7. Thông tin, tuyên truyền về phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Xây dựng các nội dung thông tin, tuyên truyền, phổ biến về các chính sách về phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, và hải đảo; quảng bá giới thiệu sản phẩm hàng hóa của miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo trên các ấn phẩm, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, bản tin,.. ■

MIỄN, GIẢM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 11/01/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTC hướng dẫn về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Theo đó, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

- Doanh thu được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin là doanh thu từ dịch vụ mới, không gồm các dịch vụ đã có trên thị trường.

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong kỳ để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện phân bổ theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

 **HOÀNG NGỌC**

Để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

Ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư, mức và thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ: được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

- Thời gian miễn, giảm thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ được tính liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì năm đầu tiên tính thời gian miễn, giảm thuế được tính từ năm thứ 4.

- Trong thời gian đang được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu năm nào doanh nghiệp khoa học và công nghệ không đáp ứng điều kiện về doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu năm của doanh nghiệp thì năm đó doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được hưởng ưu đãi và được tính trừ vào thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

☞ - Trường hợp doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã có thu nhập chịu thuế nhưng thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn, giảm thuế của năm đầu tiên dưới 12 tháng thì doanh nghiệp khoa học và công nghệ được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay trong năm đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn, giảm thuế vào năm tiếp theo. Nếu doanh nghiệp đăng ký để miễn, giảm thuế vào năm tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của năm đầu tiên đã có thu

nhập chịu thuế để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi và kê khai vào Bảng kê ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ kèm theo Thông tư này. Bảng kê ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được gửi kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/3/2021 ■

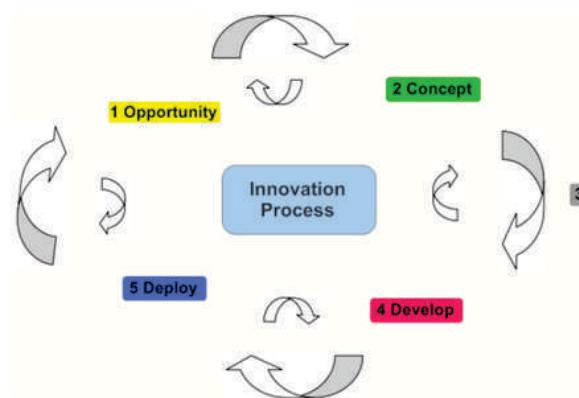
ISO 56000 - HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP

✍ ANH KHUÊ

Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế ISO/TC 279 đã xây dựng bộ tiêu chuẩn hướng dẫn mới về Quản lý đổi mới sáng tạo (Innovation Management, IM) với sự tham gia, đóng góp của hơn 40 quốc gia vào việc phát triển bộ tiêu chuẩn này. Đây là cách tiếp cận mới, được tiêu chuẩn hóa và sử dụng để hướng dẫn quản lý đổi mới sáng tạo với các thuật ngữ, công cụ, phương pháp và hướng dẫn để quản lý các tương tác giữa các đối tác, sở hữu trí tuệ, chiến lược và các ý tưởng.

Việc thực hiện các tiêu chuẩn IM giúp các doanh nghiệp có thể định vị, hỗ trợ triển khai thành công hoạt động đổi mới sáng tạo một cách bền vững, thông qua phát triển khả năng lãnh đạo, tuân thủ thiết kế và thực hành tốt các hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

Bộ tiêu chuẩn IM được ban hành từ năm 2019 và tiếp tục ban hành gồm các tiêu chuẩn về quản lý đổi mới sáng tạo để giúp doanh nghiệp thu được các lợi ích từ hoạt động đổi mới sáng tạo. Việc áp dụng và triển khai các tiêu chuẩn IM trong doanh nghiệp phụ thuộc vào mức độ thích ứng nhất định của doanh nghiệp. Doanh nghiệp khác nhau



Hệ thống quản lý đổi mới ISO 56000
(Hình minh họa)

sẽ có các cấp độ đổi mới sáng tạo khác nhau, phụ thuộc vào tổ chức của doanh nghiệp và các cách tiếp cận khác nhau. Điều này đặt ra một thách thức đối với việc áp dụng thành công hệ thống tiêu chuẩn hóa đối với sự đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Bộ tiêu chuẩn ISO 56000 cho IM bao gồm: ISO 56000:2020 Quản lý đổi mới sáng tạo – Nguyên tắc cơ bản và từ vựng; ISO 56002:2019 Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo; ISO 56003:2019 Quản lý đổi mới ☞

☞ sáng tạo – Công cụ và phương pháp đối với quan hệ đối tác đổi mới sáng tạo; ISO/TR 56004:2019 Đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo...

Một số tiêu chuẩn cụ thể:

Tiêu chuẩn ISO 56000:2020 Quản lý đổi mới sáng tạo – Nguyên tắc cơ bản và từ vựng

Tiêu chuẩn này giúp tổ chức, doanh nghiệp thiết lập một khuôn khổ chung, nhất quán và thống nhất để: Hiểu các khái niệm, nguyên tắc, thuật ngữ và định nghĩa quan trọng về quản lý đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thiết lập, triển khai, duy trì và liên tục cải tiến IMS; Tăng cường, tạo điều kiện nâng cao nhận thức, thúc đẩy giao tiếp về hoạt động đổi mới sáng tạo trong nội bộ và giữa các tổ chức, doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn ISO 56000:2020 cung cấp các khái niệm cơ bản và nguyên tắc quản lý đổi mới sáng tạo; mô tả lý do tại sao các tổ chức, doanh nghiệp nên tham gia vào các hoạt động đổi mới sáng tạo; giới thiệu các khái niệm chính liên quan đến đổi mới sáng tạo; đưa ra các nguyên tắc, cơ sở để quản lý hiệu quả các hoạt động đổi mới sáng tạo và nền tảng của IMS trong tổ chức, doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn ISO 56002:2019 Hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo

Tiêu chuẩn ISO 56002: 2019 cung cấp hướng dẫn về việc thiết lập, triển khai, bảo trì và cải tiến liên tục IMS để áp dụng trong tất cả các tổ chức, doanh nghiệp. Hướng dẫn chung này dự kiến sẽ được áp dụng cho tất cả các loại tổ chức, doanh nghiệp với các loại hình đổi mới sáng tạo. Ví dụ: sản phẩm, dịch vụ, quá trình, mô hình kinh doanh và tổ chức...

Một tổ chức, doanh nghiệp có thể thực hiện đổi mới sáng tạo hiệu quả. Đặc biệt, hoạt động đổi mới sáng tạo sẽ hiệu quả hơn nếu tất cả các yếu tố tương tác khác được quản lý như một hệ thống. IMS hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh

nh nghiệp vừa và nhỏ) xác định tầm nhìn, chiến lược, chính sách và mục tiêu đổi mới sáng tạo của tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời thiết lập các quá trình hỗ trợ cần thiết để đạt được kết quả mong muốn. Những lợi ích tiềm năng của việc triển khai IMS theo ISO 56002:2019 gồm: Tăng trưởng, tăng doanh thu, lợi nhuận và khả năng cạnh tranh; Giảm chi phí và chất thải, tăng năng suất và hiệu quả sử dụng các nguồn lực; Tăng sự hài lòng của người tiêu dùng, khách hàng, công dân và các lợi ích xã hội; Thực hiện đầu tư, đổi mới sáng tạo bền vững; Tăng cường phân cấp, trao quyền trong doanh nghiệp; Tăng khả năng thu hút tài trợ, đối tác và cộng tác viên; Nâng cao uy tín và giá trị của doanh nghiệp; Tăng cường năng lực tuân thủ các quy định và các yêu cầu.

Tiêu chuẩn ISO 56003:2019 – Quản lý đổi mới sáng tạo – Công cụ và phương pháp đối với quan hệ đối tác đổi mới sáng tạo

Tiêu chuẩn ISO 56003:2019 cung cấp các khuyến nghị để tham gia vào quan hệ đối tác với các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài để hiện thực hóa sự đổi mới sáng tạo. Tiêu chuẩn ISO 56003:2019 mô tả khuôn khổ hợp tác đổi mới sáng tạo và các công cụ tương ứng để giúp tổ chức, doanh nghiệp xem xét một số vấn đề sau: Quyết định về việc tham gia hợp tác đổi mới sáng tạo; Xác định, đánh giá và chọn đối tác; Nhận thức về giá trị và thách thức của quan hệ đối tác; Quản lý các mối quan hệ đối tác.

Tiêu chuẩn ISO 56003:2019 hướng dẫn đối với các loại hình đối tác và hợp tác được áp dụng cho mọi tổ chức, doanh nghiệp với các loại hình, quy mô, sản phẩm, dịch vụ khác nhau.

Tiêu chuẩn ISO/TR 56004:2019 Đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo

Tiêu chuẩn ISO/TR 56004:2019 cung cấp hướng dẫn về lý do tại sao triển khai đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo (Innovation Management Assessm ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi”.



Mở hồ sơ tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2022.



Hội nghị triển khai dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sả bản địa (gừng gió) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi”.



Khóa đào tạo duy trì, cải tiến và đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ “Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hoá tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi”.



Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ “Nghiên cứu thực nghiệm mô hình liên kết trồng, và tiêu thụ đảng sâm, khô nhung ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi”.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

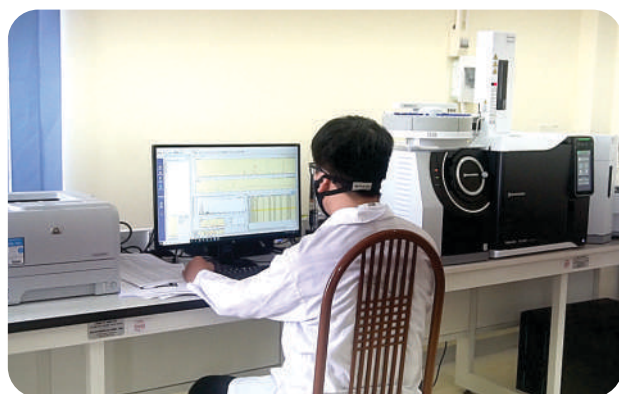
Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống lợn Kiên Sát.



Hệ thống máy sắc ký khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're.



Kiểm định công tơ điện.



Vườn cây bưởi da xanh.